

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PÁC NẶM  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Thâm.

2. Ông Dương Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị D - Sinh năm 1998. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn D1 - Sinh năm 1986. Vắng mặt lần 02.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lý Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với Dương Văn D1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 10/5/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D1 ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Dương Văn D1.

- **Về con chung:** Chị và anh **D1** có hai con chung tên **Dương Văn Q** sinh ngày 03/12/2014 và Dương Văn Nguyên sinh ngày 25/11/2018, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **D1** cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2023 cháu **Dương Văn Q** đã trình bày:*

Cháu có biết việc bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, hiện nay bố mẹ cháu đã sống ly thân và cháu đang sống cùng với mẹ. Nếu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ **Lý Thị D** để được chăm sóc tốt nhất.

\* *Tại các biên bản xác minh ngày 10/5/2023 đối với Trưởng thôn Nà Phai và biên bản xác minh **Công an xã N, huyện P** và gia đình anh **Dương Văn D1** đã thể hiện: Chị **D** và anh **D1** có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh **D1** hiện nay đi làm ăn ở Quảng Ninh, thi thoảng vẫn về thăm nhà nhưng không cho ai biết đại chỉ cụ thể anh đang ở đâu.*

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **D1** đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và phải hoãn phiên tòa lần một.

\* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị **Lý Thị D** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Dương Văn D1** và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Lý Thị D**; Về án phí: Chị **Lý Thị D** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Lý Thị D** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh **Dương Văn D1** nhưng anh **D1** vẫn cố tình dấu diếm địa chỉ và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn chị **Lý Thị D** có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Dương Văn D1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, anh **D1** đã biết được Tòa án đang tiến hành giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị **D** nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chị **Lý Thị D** thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị **D** và biên bản xác minh tại địa phương và gia đình xác định chị **D** và anh **D1** kết hôn với nhau từ năm 2019. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D1** ngoại tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **D** và anh **D1** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **D1**.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **D** và anh **D1** có hai con chung tên hai con chung tên là **Dương Văn Q** sinh ngày 03/12/2014 và **Dương Văn Nguyên** sinh ngày 25/11/2018, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị **D** là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **D1** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh **D1** là bố đẻ

nhưng cũng thường xuyên không có mặt ở nhà nên không có khả năng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, chị **D1** có đủ sức khỏe để lao động, có việc làm và thu nhập, có khả năng nuôi con nên yêu cầu của chị **D** về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm** tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị **Lý Thị D** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị **D** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lý Thị D** đối với anh **Dương Văn D1**. Chị **Lý Thị D** được ly hôn với anh **Dương Văn D1**.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là **Dương Văn Q** sinh ngày 03/12/2014 và **Dương Văn Nguyên** sinh ngày 25/11/2018, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị **Lý Thị D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.



4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị **Lý Thị D** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000839 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị **D** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị **Lý Thị D** và anh **Dương Văn D1** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm  
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Nghiên Loan (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Tiến Đại**